

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TÊN HỘ GIỚI MINH
ĐẾN Số: 19.112
Giới: Ngày 2 tháng 11 năm 09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2009 đến 30/09/2009

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	13,998,085,230	8,315,639,359
2.	Điều chỉnh cho các khoản		9,542,235,245	11,091,952,457
-	Khấu hao TSCĐ	02	8,389,549,607	6,858,758,485
-	Các khoản dự phòng	03	(2,444,706,531)	-
-	Lãi, lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,380,799)	(126,781,586)
-	Chi phí đi vay	06	3,615,772,968	4,359,975,558
3.	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	23,540,320,475	19,407,391,816
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1,717,683,666	(21,666,144,179)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9,616,483,634)	(4,569,083,595)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4,835,410,624)	2,322,431,998
	(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	45,140,045	(665,690,775)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(3,615,772,968)	(4,359,975,558)
-	Thuế TNDN đã nộp	14	(949,139,133)	(1,155,958,297)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	95,979,432	51,373,849
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	392,428,745	(920,378,553)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6,774,746,004	(11,555,833,294)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(12,617,608,399)	(7,975,103,051)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(8,400,000,000)	(9,377,154,395)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18,380,799	126,781,586
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20,999,227,600)	(17,225,475,860)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	(1,634,599,426)	(855,165,684)
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33	93,662,684,185	66,282,343,200
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72,205,316,017)	(72,567,987,028)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19,822,768,742	(7,140,809,512)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	5,598,287,146	(35,922,118,666)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,915,572,107	48,523,087,041
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.01 7,513,859,253	12,600,968,375

Kế toán trưởng

Lê Thụy Trâm Anh

6

